

TCVN 8075:2009

Xuất bản lần 1

MẠNG VIỄN THÔNG – GIAO DIỆN V5.2 (DỰA TRÊN 2048 KBIT/S) GIỮA TỔNG ĐÀI NỘI HẠT VÀ MẠNG TRUY NHẬP

Telecommunication network – V5.2 interface (based on 2048 kbit/s) between local exchange and access network

HÀ NỘI - 2009

Mục lục

1. Phạm vi áp dụng	5
2. Tài liệu viện dẫn	5
3. Ký hiệu và thuật ngữ	6
4. Cấu trúc và cách sử dụng tiêu chuẩn	7
5. Yêu cầu kỹ thuật giao diện V5.2 - Yêu cầu tuân thủ tại tổng đài	9
Phụ lục A (Quy định) Các bản tin và nội dung	42
Phụ lục B (Quy định) Lưu đồ xử lý các trường hợp gọi PSTN cơ bản	49
Phụ lục C (Tham khảo) Thủ tục khởi tạo	83
C.1 Điều kiện đầu	83
C.1.1 Khởi tạo lần đầu tiên	83
C.1.2 Các nguyên nhân khởi tạo khác	83
C.2 Khởi tạo V5	83
C.2.1 Khởi tạo các kênh số liệu	83
C.2.2 Thủ tục reset số trình tự	84
C.2.3 Đồng bộ giữa LE và AN	84
C.2.4 Khởi động lưu lượng	84
C.2.5 Yêu cầu ID biến đổi và giao diện	84
C.2.6 Phối hợp mở khoá kênh (khởi động lại thủ tục điều khiển kênh)	84
C.2.7 Nhận dạng kênh	84
C.2.8 Nhận dạng kênh (cho tất cả các kênh khác)	85
C.2.9 Thủ tục sắp xếp nhanh chóng	85
Phụ lục D (Quy định) Các tham số của giao diện V5.2 đối với thuê bao	86

Lời nói đầu

TCVN 8075:2009 được xây dựng trên cơ sở chuyển đổi tiêu chuẩn ngành TCN 68-185: 1999 của Tổng cục Bưu điện (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông).

TCVN 8075:2009 được xây dựng theo Khuyến nghị của G.964 và G.965 của ITU-T, có tham khảo các tài liệu ETS 300 347, ETS 300 324 của Viện Tiêu chuẩn Viễn thông châu Âu (ETSI).

TCVN 8075:2009 do Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Mạng viễn thông – Giao diện V5.2 (dựa trên 2048 kbit/s) giữa tổng đài nội hạt và mạng truy nhập

Telecommunication network – V5.2 interface (based on 2048 kbit/s) between local exchange and access network

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này xác định các yêu cầu về thủ tục và giao thức đối với giao diện V5.2 giữa mạng truy nhập (AN) và tổng đài nội hạt (LE) để hỗ trợ các kiểu truy nhập:

- truy nhập điện thoại tương tự;
- truy nhập cơ sở ISDN với hệ thống truyền dẫn đường dây tuân theo khuyến nghị G.960 của ITU-T trong trường hợp NT1 tách biệt với AN;
- truy nhập cơ sở ISDN với giao diện khách hàng mạng tuân theo TCVN 68-181:1999 ở phía khách hàng của AN;
- truy nhập ISDN tốc độ sơ cấp với hệ thống truyền dẫn đường dây tuân theo khuyến nghị G.962 của ITU-T trong trường hợp NT1 tách biệt với AN;
- truy nhập ISDN tốc độ sơ cấp với giao diện khách hàng mạng tuân theo khuyến nghị I.431 ở phía khách hàng của AN;
- các truy nhập số và tương tự khác cho các kết nối bán cố định không có thông tin báo hiệu ngoài bảng liên quan

với phân bổ kênh thông tin linh hoạt cho từng cuộc gọi và cung cấp khả năng tập trung trong AN và qua giao diện V5.2.

2. Tài liệu viện dẫn

[1] ETS 300 324-1 (10/1993); V interfaces at the digital Local Exchange (LE) - V5.1 interface for the support of Access Network (AN) (*Các giao diện V tại tổng đài nội hạt số LE – Giao diện V5.1 hỗ trợ mạng truy nhập AN*).

[2] ITU-T Recommendation G.964 (06/1994) V-Interfaces at the digital exchange (LE) -V5.1 interfaces (bases on 2048 kbit/s) for the support of access network (AN) (*Các giao diện V tại tổng đài nội hạt số LE - Giao diện V5.1 (dựa trên 2048 kbit/s) hỗ trợ mạng truy nhập AN*).